

Số: /KH-UBND

Chợ Chu, ngày tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025 – 2030 trên địa bàn thị trấn Chợ Chu

Thực hiện Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 16/4/2025 của UBND huyện Định Hóa về việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025 – 2030 trên địa bàn huyện Định Hóa giai đoạn 2025-2030;

Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Chu xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 19-NQ/HU ngày 24/3/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển ngành chè giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn thị trấn cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định các nội dung cụ thể để thực hiện có hiệu quả quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025-2030 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11-NQ/TU*); phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân về vị trí vai trò và tầm quan trọng của ngành chè trong phát triển nông nghiệp của địa phương.

2. Yêu cầu

- Các ngành liên quan, các Tổ dân phố phải xác định rõ trách nhiệm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Trong quá trình triển khai thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời giải quyết khó khăn vướng mắc, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết số 11-NQ/TU.

- Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; vận dụng linh hoạt, sáng tạo, lồng ghép các chương trình, đề án, dự án, chính sách của Trung ương, tỉnh và huyện về phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh chè để triển khai thực hiện Kế hoạch đạt kết quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành chè gắn với mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, hiện đại, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng; đẩy mạnh sản xuất an toàn,

hữu cơ gắn với chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, tăng nhanh tỷ trọng những sản phẩm có chất lượng, giá trị cao; thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất theo chuỗi, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, kinh doanh; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử góp phần nâng cao giá trị, thương hiệu trà Định Hóa theo hướng tích hợp đa giá trị của trà; xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030.

- Diện tích chè trên địa bàn 36 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 605 tấn.
- 50% diện tích chè được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn GAP hữu cơ; 60% diện tích chè được cấp mã số vùng trồng.
- 100% số cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh chè và các sản phẩm từ chè đảm bảo quy định an toàn thực phẩm.
- 100% hợp tác xã có vùng nguyên liệu chè ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- Có 01 sản phẩm trà được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao trở lên,
- 100% sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được thương mại điện tử trên các nền tảng số.
- Giá trị sản phẩm chè đạt 400 triệu đồng/ha.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết

- Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt tới cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động nhận thức đầy đủ chủ trương chính sách trong phát triển ngành chè gắn với mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, kinh doanh; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử theo hướng tích hợp đa giá trị của trà; xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm từ chè để tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung nghị quyết đã đề ra. Xây dựng nội dung, phương pháp tuyên truyền phổ biến phù hợp từng đối tượng, lồng ghép các chương trình đào tạo, huấn luyện, tập huấn để chuyển giao khoa học kỹ thuật, chủ trương chính sách, định hướng trong phát triển ngành chè Chợ Chu tới người sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

2. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch các vùng sản xuất

- Rà soát, đánh giá hiện trạng đất đai, lợi thế phát triển chè để xác lập, quy hoạch các vùng sản xuất chè theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ tạo ra vùng nguyên liệu chất lượng cho chế biến. Thực hiện số hóa các vùng sản xuất chè theo quy hoạch để quản lý, áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn.

- Bảo vệ diện tích trồng chè hiện có và đẩy mạnh mở rộng, phát triển bền vững các vùng sản xuất chè:

+ Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ diện tích đất sử dụng vào mục đích trồng chè. Rà soát chuyển một phần diện tích rừng sản xuất ngoài quy hoạch, đất vườn, đất trồng lúa hiệu quả thấp sang đất trồng chè để mở rộng diện tích trồng chè, nâng cao hiệu quả sản xuất.

+ Trên cơ sở rà soát hiện trạng, bảo vệ diện tích trồng chè đến năm 2030, diện tích trồng chè trên địa bàn thị trấn đạt 35 ha. Tổ chức chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện trồng mới, trồng thay thế những diện tích chè già cỗi cho năng suất thấp bằng những giống chè có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu tốt, cây giống đạt tiêu chuẩn, phù hợp điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và khả năng đầu tư thâm canh, quy trình canh tác (*giống chè Kim tuyên, Hương bắc sơn, LDPI, VN2, VN15, TRI5.0...*) và đáp ứng chế biến sâu, đa dạng hoá các sản phẩm từ chè để đảm bảo cơ cấu giống chè có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn đến năm 2030 đạt 85 - 90% tổng diện tích, giống chè Trung Du đạt 10 - 15%.

3. Tập trung ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến chè

- Tập trung ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến chè phấn đấu hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 toàn địa bàn có: 50% diện tích chè được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ và được cấp mã số vùng trồng; 100% số cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh chè và các sản phẩm từ chè đảm bảo quy định an toàn thực phẩm. Cụ thể:

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi phương thức sản xuất từ canh tác truyền thống sang canh tác áp dụng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản: Ứng dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm tự động, bán tự động, sử dụng lưới chắn nắng trong sản xuất chè nhằm nâng cao năng suất, chất lượng chè búp tươi; ứng dụng công nghệ chế biến, bảo quản lạnh, sử dụng máy hút chân không, máy đóng gói tự động nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm trà.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các vùng trồng chè chủ động xây dựng hồ sơ, đăng ký cấp mã số vùng trồng đáp ứng thị trường tiêu thụ trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Thúc đẩy liên kết chặt chẽ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, chú trọng đối với thị trường xuất khẩu sản phẩm cao cấp có giá trị cao; cập nhật, áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất, chế biến đảm bảo phù hợp yêu cầu thị trường, hàng rào kỹ thuật của nước nhập khẩu; thực hiện các biện pháp bảo vệ khi tham gia thị trường xuất khẩu sản phẩm trà.

- Áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến trong chế biến và kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất và chế biến, bảo quản. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tập trung triển khai các đề tài, dự

án khoa học và công nghệ đầu tư vào chế biến sâu, đặc biệt là các sản phẩm sau chế biến từ chè có chất lượng cao, mang lại giá trị kinh tế lớn để hình thành ngành công nghiệp chế biến chè tiên tiến tại huyện. Nghiên cứu, ứng dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng chè dựa trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo.

4. Tăng cường củng cố, nâng cao thương hiệu gắn với quảng bá, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm trà

- Xây dựng và nâng cao thương hiệu: Tăng cường thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ; khuyến khích xây dựng, công nhận thương hiệu đối với các sản phẩm trà.

- Xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm trà: Ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử trong kinh doanh; xây dựng và triển khai hiệu quả các website thương mại điện tử để thúc đẩy quảng bá, mở rộng, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trà và các sản phẩm từ chè Định Hóa. Tập trung nâng cao chất lượng, nâng hạng sản phẩm trà đạt tiêu chuẩn OCOP của thị trấn gắn với Chương trình xây dựng đô thị văn minh”. Đến năm 2030, thị trấn có 01 sản phẩm trà (sau chế biến) được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao, sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được thương mại điện tử trên các nền tảng số.

Tuyên truyền và trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế cho hợp tác xã và người làm chè những thông tin đầy đủ, các quyền lợi cũng như rào cản kỹ thuật khi tham gia hội nhập quốc tế, đặc biệt là các Hiệp định thương mại đã ký kết (CPTPP, EVFTA, RCEP, ...).

Tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ, thông qua Lễ hội trà Định Hóa, nhằm góp phần nâng tầm phát huy giá trị thương hiệu và văn hóa trà Định Hóa; tăng cường tham gia các hoạt động quảng bá, giới thiệu, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm trà tại các tỉnh trong cả nước và nước ngoài. Tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa vùng sản xuất chè với hệ thống phân phối, tiêu thụ; kết nối giữa người sản xuất, kinh doanh trà với các đối tác, khách hàng; Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao kiến thức về trà, phát triển văn hoá trà và nghệ thuật thưởng trà tại địa phương.

Phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, chế biến, kinh doanh chè: Thành lập mới các hợp tác xã, củng cố, nâng cao hiệu quả, quy mô sản xuất của hợp tác xã, thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông hộ trồng chè nhằm khai thác tiềm năng đất đai, lao động, vốn, kinh nghiệm sản xuất, trình độ quản lý,... tạo ra sản phẩm chất lượng, số lượng lớn góp phần tạo đà cho xuất khẩu trà, nâng cao giá trị sản phẩm và phát triển bền vững.

Phát triển sản phẩm du lịch gắn với văn hóa trà có thương hiệu và sức cạnh tranh cao: Khai thác đa giá trị giữa phát triển ngành chè gắn với văn hóa, lịch sử, du lịch, dịch vụ và môi trường. Rà soát những vùng chè trong huyện có điều kiện sản xuất gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, phát triển du lịch và dịch vụ. Các địa phương chủ động quan tâm đầu tư sản xuất, chế biến, đầu tư cơ sở hạ tầng, chỉnh

trang vùng sản xuất chè tạo cảnh quan không gian đẹp, ấn tượng, môi trường xanh, sạch phát triển các mô hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với vùng chè góp phần nâng cao giá trị.

5. Bảo tồn và nâng cao các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của trà

Nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của các vùng chè trên địa bàn huyện gắn với nâng cao giá trị cây chè và sản phẩm trà Định Hóa.

Quy hoạch, xây dựng các không gian lễ hội, không gian thưởng trà... góp phần bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa trà Định Hóa gắn với phát triển du lịch và lễ hội văn hóa đặc trưng của các địa phương.

Tăng cường công tác giáo dục truyền thống, văn hóa, đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với việc bảo tồn các giá trị sản phẩm trà; hình thành ý thức trân quý

6. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

a) Thực hiện tốt cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị cơ sở trong quá trình thực thi công vụ, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, kinh doanh chè.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm trà Định Hóa; quản lý vật tư đầu vào, quy trình sản xuất, chế biến, nhãn mác, an toàn thực phẩm, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm trà.

c) Nâng cao năng lực kiểm tra, quản lý vật tư nông nghiệp, quản lý sản xuất kinh doanh giống cây trồng. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; quản lý, kiểm tra, đánh giá doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, kiểm tra chất lượng sản phẩm; kịp thời phát hiện, xử lý theo quy định pháp luật các vụ việc vi phạm trên lĩnh vực nông nghiệp (mua, bán, trao đổi vật tư nông nghiệp, hàng nông sản kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ,...).

7. Tiếp tục rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành chè

a) Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách Trung ương, tỉnh, huyện đã ban hành, huy động nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung chính sách mới nhằm thúc đẩy phát triển ngành chè theo hướng hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về đất đai trong sản xuất; tập trung nguồn lực đầu tư theo chiều sâu để hình thành chuỗi ngành hàng chè có giá trị gia tăng cao, đáp ứng năng lực cạnh tranh quốc tế; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ sản xuất sản phẩm hàng hóa, an toàn, chất lượng, GAP, hữu cơ, cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất, chế biến, bảo quản; hỗ trợ phát triển chế biến sâu, tích hợp đa giá trị sản phẩm; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, bao bì, nhãn mác, quảng bá, xây dựng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng các vùng sản xuất tập trung (*hạ tầng giao thông, thủy lợi, giống cây trồng, hệ thống tưới thông minh, công nghệ chế biến, công nghệ bảo quản...*).

b) Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành chè:

Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phát triển ngành chè, lồng ghép đề án, dự án, chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, chế biến chè. Giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã tìm kiếm và đầu tư các công nghệ sản xuất, chế biến nhằm sản xuất các mặt hàng chè đạt tiêu chuẩn quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm đáp ứng thị trường tiêu thụ của các nước nhập khẩu. Quan tâm chú trọng đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ năng trồng, chăm sóc, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm trà cho người đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đảm bảo đủ khả năng tham gia liên kết chuỗi giá trị phát triển cây chè và sản phẩm trà của thị trấn

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Địa chính Nông nghiệp

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cụ thể thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm để triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm (**trước ngày 05/12**) báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về Phòng Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND huyện.

- Tham mưu lập bản đồ quy hoạch vùng trồng; rà soát hiện trạng đất đai, lợi thế của từng TDP để xác lập, quy hoạch các vùng sản xuất chè theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ tạo ra vùng nguyên liệu chất lượng cho chế biến. Số hóa các vùng sản xuất chè theo quy hoạch để quản lý, áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn.

- Rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông, lâm nghiệp theo nhu cầu để phát triển mở rộng diện tích trồng chè trên địa bàn toàn huyện đến năm 2030 đạt 36ha.

- Triển khai chuyển giao, ứng dụng tiến bộ chế biến, bảo quản công nghiệp sản phẩm chè.

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến công, chính sách thương mại hàng nông sản, phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh chè tham gia thương mại điện tử. Triển khai các hoạt động quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, HTX chè trong huyện được tham gia vào kênh tiêu thụ chính thức tại các tỉnh thành trong cả nước, tham gia các cuộc hội nghị giao thương, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trà của huyện.

- Tuyên truyền và trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế cho cán bộ công chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và người làm chè những thông tin đầy đủ, các quyền lợi cũng như rào cản kỹ thuật khi tham gia hội nhập quốc tế, đặc biệt là các Hiệp định thương mại đã ký kết (CPTPP, EVFTA, RCEP, ...).

2. Công chức văn hóa

- Rà soát đề xuất các cơ chế chính sách phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ phát triển ngành chè, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến xây dựng thương hiệu; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý bảo vệ và khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm trà và các sản phẩm từ chè được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Giúp các hợp tác xã tìm kiếm và đầu tư các công nghệ sản xuất, chế biến nhằm sản xuất các mặt hàng chè đạt tiêu chuẩn quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm đáp ứng thị trường tiêu thụ của sản phẩm. Xây dựng và triển khai hiệu quả website thương mại điện tử để thúc đẩy quảng bá, mở rộng, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trà và các sản phẩm từ chè.

- Triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đầu tư vào công tác chế biến sâu, đặc biệt là các sản phẩm chè sau chế biến có chất lượng cao, mang lại giá trị kinh tế lớn để hình thành ngành công nghiệp chế biến chè tiên tiến tại địa bàn.

- Tham mưu, triển khai các nhiệm vụ bảo tồn và nâng cao các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của trà:

+ Nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của các vùng chè trên địa bàn gắn với nâng cao giá trị cây chè và sản phẩm trà Định Hóa.

+ Quy hoạch không gian lễ hội, không gian thưởng trà gắn với phát triển du lịch và lễ hội văn hóa đặc trưng của địa phương.

+ Tăng cường công tác giáo dục truyền thống, văn hóa, đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với việc bảo tồn các giá trị sản phẩm trà; hình thành ý thức trân quý và trách nhiệm bảo tồn cây chè và sản phẩm trà trong các tầng lớp nhân dân.

3. Viên chức Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp phụ trách địa bàn

Hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, cơ cấu giống, thời vụ, quy trình kỹ thuật sản xuất, áp dụng tiêu chuẩn sản xuất an toàn, hữu cơ; chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ. Tuyên truyền, hướng dẫn các vùng trồng chè chủ động xây dựng hồ sơ, đăng ký cấp mã số vùng trồng đáp ứng thị trường tiêu thụ trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.

4. Các ngành, đoàn thể

Vận động các đoàn viên, hội viên và các tổ chức đoàn thể các cấp thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025-2030; Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 24/3/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển ngành chè Định Hóa giai đoạn 2025-2030.

5. Các Tổ dân phố trên địa bàn thị trấn Chợ Chu

- Rà soát hiện trạng đất đai, lợi thế của địa phương để xác lập, quy hoạch các vùng sản xuất chè theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ tạo ra vùng nguyên liệu chất lượng cho chế biến. Số hóa các vùng sản xuất chè theo quy hoạch để quản lý, áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành, đồng thời đánh giá hiệu quả triển khai, nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách mới phù hợp với địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả về phát triển ngành chè.

Trên đây là Kế hoạch của UBND thị trấn Chợ Chu về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025 – 2030 trên địa bàn huyện Định Hóa./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy thị trấn;
- Thường trực HĐND thị trấn;
- Lãnh đạo UBND thị trấn;
- Các ban, ngành, đoàn thể thị trấn;
- 20 Tổ dân phố;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Kiên